

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐX
TỈNH BP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/HNGĐ-ST

Ngày 31/8/2022

V/v “Ly hôn, chia con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐX, TỈNH BP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuấn

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn V Được

2. Ông Thạch Nhị

Thư ký phiên tòa: **Ông Bùi Hoàng Long** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố ĐX, tỉnh BP

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐX tham gia phiên tòa: **Bà Phan Thị Bửu Trân** - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại hội trường xét xử của Tòa án nhân dân thành phố ĐX mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số **149/2022/TLST-HNGĐ** ngày **20 tháng 6 năm 2022** về tranh chấp “ly hôn, chia con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Trần Thị Thanh H**, sinh năm 1979; trú tại: số 290, đường Quốc lộ 14, phường TĐ, thành phố ĐX, tỉnh BP; **(có đơn xin xét xử vắng mặt)**

Bị đơn: **Ông Trần Hải V**, sinh năm 1974; trú tại: số 290, đường Quốc lộ 14, phường TĐ, thành phố ĐX, tỉnh BP; **(có đơn xin xét xử vắng mặt)**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại bản tự khai nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H trình bày: Bà H và ông V tự do tìm hiểu, tự nguyện yêu thương và đi đến hôn nhân vào năm 1997, **có đăng ký kết hôn tại UBND xã LC, thành phố BL, tỉnh LD vào ngày 05/11/1997**. Trong quá trình chung sống, bà H và ông V hay xảy ra mâu thuẫn,

nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm lo lắng cho nhau, thường hay xảy ra cãi vã lẫn nhau.

Nay, bà H nhận thấy tình cảm không thể níu kéo, mục đích hôn nhân không thể giải quyết, do vậy bà H mong muốn Tòa án giải quyết ly hôn với ông V.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: **Bà H và ông V** có ba con chung là **Trần Thị BT**, sinh ngày 26/3/1998; **Trần HĐ**, sinh ngày 03/3/2020; **Trần HV**, sinh ngày 10/11/2006. Khi ly hôn, do các con chung là **cháu Trân và cháu Đăng** đã trưởng thành nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà H có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung là **Trần HV**, sinh ngày 10/11/2006 cho đến khi trưởng thành 18 tuổi và không yêu cầu cấp dưỡng

Về tài sản chung, nợ chung: không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn ông V trình bày: Thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn về việc chung sống, kết hôn. Còn nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do cả hai không hiểu nhau, tính tình không hợp. Nên trước yêu cầu ly hôn của bà H thì ông V đồng ý ly hôn

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Ông V và bà H có ba con chung là **Trần Thị BT**, sinh ngày 26/3/1998; **Trần HĐ**, sinh ngày 03/3/2020; **Trần HV**, sinh ngày 10/11/2006. Khi ly hôn, do các con chung là **cháu Trân và cháu Đăng** đã trưởng thành nên ông Hùng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông V đồng ý giao con chung là **Trần HV**, sinh ngày 10/11/2006 cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐX phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã tuân thủ các quy định của thủ tục tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt căn cứ vào quy định tại các điều 70, 72, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về nội dung vụ án: **Bà H và ông V** có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; Cuộc sống chung có nhiều mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn. Do đó, căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội

đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của bà H.

Về con chung: Bà H và ông V có ba con chung là Trần Thị BT, sinh ngày 26/3/1998; Trần HD, sinh ngày 03/3/2020; Trần HV, sinh ngày 10/11/2006. Bà H và ông V thống nhất khi ly hôn giao con chung là cháu Vy cho bà H nuôi dưỡng, hơn nữa cháu Vy cũng có nguyện vọng được ở với bà H nên giao con cho bà H nuôi dưỡng là phù hợp

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H, ông V không có yêu cầu và vắng mặt nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án “*Tranh chấp về ly hôn, chia con chung*” do nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H khởi kiện. Bị đơn ông Trần Hải V có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại khu phố 2, phường TĐ, thành phố ĐX, tỉnh BP nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố ĐX theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ hợp lệ giấy triệu tập cùng các V bản của Tòa án như thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử để triệu tập ông V lên Tòa án làm việc, tham gia phiên họp và hòa giải, tham gia phiên tòa hôn nhân sơ thẩm nhưng ông V vắng mặt và có Đơn xin giải quyết vắng mặt; căn cứ vào các Điều 72, Điều 199, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành giải quyết và xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[1.3] Nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do công việc ở xa nên việc đi lại để tham gia vụ án rất khó khăn là chính đáng, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông V tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã LC, thành phố BL, tỉnh LD vào ngày 05

tháng 11 năm 1997. Căn cứ vào các Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp. Do vậy bà H có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông V là có phù hợp với quy định của pháp luật. Xét yêu cầu xin được ly hôn của nguyên đơn thấy: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần khuyên nhủ bà H hàn gắn tình cảm để về đoàn tụ chung sống với ông V nhưng bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn vì bà cho rằng cuộc sống chung không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã lẫn nhau dẫn đến cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn yêu thương quan tâm, chăm sóc nhau nên bà mong muốn được ly hôn. Đối với bị đơn ông V trong quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt hợp lệ các V bản tố tụng, ông V đã trực tiếp ký nhận các V bản tố tụng của Tòa án và biết được bà H yêu cầu ly hôn với ông V và ông V đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của bà H. Do vậy, căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy, hôn nhân hạnh phúc được xây dựng trên sự tự nguyện yêu thương, chăm sóc, tôn trọng lẫn nhau và cùng có trách nhiệm chung với gia đình, nhưng trong cuộc sống chung của bà H và ông V có những mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài vì mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với ông V của nguyên đơn bà H.

[2.2] Về con chung và cấp dưỡng: Trong thời gian chung sống bà H và ông V có ba con chung là Trần Thị BT, sinh ngày 26/3/1998; Trần HD, sinh ngày 03/3/2020; Trần HV, sinh ngày 10/11/2006. Nay ly hôn, bà H và ông V thống nhất do các con chung là cháu Trân và cháu Đăng đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, còn cháu Vy do đang con nhỏ nên để bà H nuôi dưỡng vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của bà H.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do các bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn bà H, bị đơn ông V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Án phí sơ thẩm: Bà H phải chịu án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58 và các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **bà Trần Thị Thanh H**

1. Về quan hệ hôn nhân: **Bà Trần Thị Thanh H** và **ông Trần Hải V** ly hôn với nhau.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung là cháu **Trần HV**, sinh ngày 10 tháng 11 năm 2006 cho **bà Trần Thị Thanh H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; **ông Trần Hải V** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được phép ngăn cản. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của người đó.

Vì quyền lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con nếu có căn cứ cho rằng mình hoặc bên kia không bảo đảm được quyền, lợi ích của con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: **Bà H**, **ông V** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Án phí: **Bà Trần Thị Thanh H** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số **0004422** ngày **17 tháng 6 năm 2022** của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố ĐX, tỉnh BP.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh BP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND thành phố ĐX;
- Chi cục THADS thành phố ĐX;
- UBND xã LC, thành phố BL, tỉnh LD;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Tuấn